

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 18

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Cánh diều

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Giảm số 64 đi 4 lần được số:

- A. 10 B. 12 C. 14 D. 16

Câu 2. Giá trị của biểu thức $213 + 428 : 4$ là:

- A. 405 B. 320 C. 160 D. 140

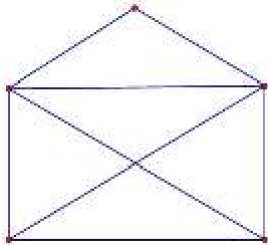
Câu 3. Bà đi chợ mua hai chai mật ong. Chai to có 750ml mật ong, lượng mật ong trong chai nhỏ bằng lượng mật ong trong chai to giảm đi 3 lần. Vậy bà đã mua tất cả là:

- A. 900ml mật B. 600ml mật C. 1 lít mật D. 800ml mật

**Câu 4.** Cho dãy số: 1; 2; 4; 8; 16; ...; ...; ...; 256; 512

Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 8; 96; 144 B. 32; 64; 128 C. 32; 48; 100 D. 48; 96; 192

Câu 5. Hình trên có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác:

- A. 9 hình tam giác, 2 hình tứ giác B. 5 hình tam giác, 4 hình tứ giác
C. 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác D. 9 hình tam giác, 4 hình tứ giác

Câu 6. Một hình chữ nhật có chiều dài 25 cm và chiều rộng 23 cm. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi của hình chữ nhật đó. Cạnh của hình vuông đó là:

- A. 12 cm B. 12 dm C. 24 cm D. 24 dm

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Đặt tính rồi tính

$$235 \times 3$$

.....

.....

.....

$$644 : 7$$

.....

.....

.....

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $224 - 8 \times 8$

b) $800 : 5 + 38$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Câu 3. Một cửa hàng có 453 kg gạo, đã bán được $\frac{1}{3}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

.....
.....
.....

Câu 4. Năm nay bà 60 tuổi, bà hơn mẹ 24 tuổi và tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi mẹ. Hỏi tuổi bà gấp tuổi cháu bao nhiêu lần?

.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1. Giảm số 64 đi 4 lần được số:

- A. 10 B. 12 C. 14 D. 16

Phương pháp

Muốn giảm một số đi một số lần, ta lấy số đó chia cho số lần.

Lời giải

Giảm số 64 đi 4 lần được số: $64 : 4 = 16$

Đáp án: D

Câu 2. Giá trị của biểu thức $213 + 428 : 4$ là:

- A. 405 B. 320 C. 160 D. 140

Phương pháp

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải

$213 + 428 : 4 = 213 + 107 = 320$

Đáp án: B

Câu 3. Bà đi chợ mua hai chai mật ong. Chai to có 750ml mật ong, lượng mật ong trong chai nhỏ bằng lượng mật ong trong chai to giảm đi 3 lần. Vậy bà đã mua tất cả là:

- A. 900ml mật B. 600ml mật C. 1 lít mật D. 800ml mật

**Phương pháp**

- Lượng mật ong trong chai nhỏ = lượng mật ong trong chai to : 3
- Tìm tổng lượng mật ong trong 2 chai

Lời giải

Lượng mật ong trong chai nhỏ là: $750 : 3 = 250$ (ml)

Bà đã mua tất cả số ml mật ong là: $750 + 250 = 1\ 000$ (ml) = 1 lít

Đáp án: C

Câu 4. Cho dãy số: 1; 2; 4; 8; 16; ...; ...; ...; 256; 512

Các số thích hợp điền vào chỗ chấm lần lượt là:

- A. 8; 96; 144 B. 32; 64; 128 C. 32; 48; 100 D. 48; 96; 192

Phương pháp

Số liền sau trong dãy = số liền trước x 2

Từ đó ta tìm được các số tiếp theo trong dãy số.

Lời giải

$$\text{Quy luật: } 2 = 1 \times 2$$

$$4 = 2 \times 2$$

$$8 = 4 \times 2$$

$$16 = 8 \times 2$$

.....

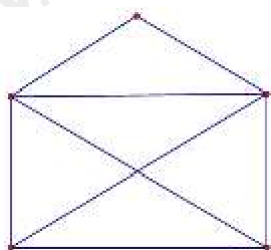
Vậy các số tiếp theo là: $16 \times 2 = 32$

$$32 \times 2 = 64$$

$$64 \times 2 = 128$$

Đáp án: B

Câu 5. Hình trên có bao nhiêu hình tam giác, bao nhiêu hình tứ giác:



A. 9 hình tam giác, 2 hình tứ giác

C. 5 hình tam giác, 5 hình tứ giác

B. 5 hình tam giác, 4 hình tứ giác

D. 9 hình tam giác, 4 hình tứ giác

Phương pháp

Hình tam giác có 3 đỉnh và 3 cạnh.

Hình tứ giác có 4 đỉnh, 4 cạnh và 4 góc.

Lời giải

Hình trên có 9 hình tam giác, 4 hình tứ giác.

Đáp án: D

Câu 6. Một hình chữ nhật có chiều dài 25 cm và chiều rộng 23 cm. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi của hình chữ nhật đó. Cạnh của hình vuông đó là:

A. 12 cm

B. 12 dm

C. 24 cm

D. 24 dm

Phương pháp

1. Tìm chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

2. Chu vi hình vuông = Chu vi hình chữ nhật

Cạnh của hình vuông = Chu vi hình vuông : 4

Lời giải

Chu vi hình chữ nhật là: $(25 + 23) \times 2 = 96$ (cm)

Ta có chu vi hình vuông bằng chu vi hình chữ nhật và bằng 96 cm.

Cạnh của hình vuông đó là: $96 : 4 = 24$ (cm)

Đáp án: C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$235 \times 3$$

$$644 : 7$$

Phương pháp

- Đặt tính
- Với phép nhân: Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 235 \\ \times 3 \\ \hline 705 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 644 \quad | \quad 7 \\ 14 \quad | \quad 92 \\ \hline 0 \end{array}$$

Câu 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $224 - 8 \times 8$

b) $800 : 5 + 38$

Phương pháp

Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 224 - 8 \times 8 &= 224 - 64 \\ &= 160 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 800 : 5 + 38 &= 160 + 38 \\ &= 198 \end{aligned}$$

Câu 3. Một cửa hàng có 453 kg gạo, đã bán được $\frac{1}{3}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Phương pháp

1. Tìm số kg gạo cửa hàng đã bán = Số kg gạo cửa hàng có : 3
2. Tìm kg gạo cửa hàng còn lại = Số kg gạo ban đầu - số kg gạo cửa hàng đã bán

Lời giải

Số kg gạo cửa hàng đã bán là:

$$453 : 3 = 151 \text{ (kg)}$$

Cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là:

$$453 - 151 = 302 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 302 kg gạo

Câu 4. Năm nay bà 60 tuổi, bà hơn mẹ 24 tuổi và tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi mẹ. Hỏi tuổi bà gấp tuổi cháu bao nhiêu lần?

Phương pháp

1. Tìm tuổi mẹ = tuổi bà – 24 tuổi
2. Tuổi con = tuổi mẹ : 6
3. Số lần tuổi bà gấp tuổi cháu = tuổi bà : tuổi cháu

Lời giải

Tuổi mẹ hiện nay là:

$$60 - 24 = 36 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi con hiện nay là:

$$36 : 6 = 6 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi bà gấp tuổi cháu số lần là:

$$60 : 6 = 10 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 10 lần